

Bản án số: 596/2024/DS-ST
Ngày: 09-8-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Bạch;

Bà Trần Thị Kim Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh Hương – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 514/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 321/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 259/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần K

Địa chỉ: số P, phường V, thành phố R, tỉnh K. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn C C, sinh năm 20xx (theo văn bản ủy quyền số 1618/QĐ-NHKL ngày 28/6/2024). (Vắng mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn N H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Đường số j, phường B, quận B, Thành phố H. (Vắng mặt)

2.2. Bà Nguyễn T T U, sinh năm 19xx

Địa chỉ: A, phường H, Thành phố T, Thành phố H. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp cho Tòa án cũng như quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng Thương mại cổ phần K trình bày:

Ông Nguyễn N H và bà Nguyễn T T U có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần K – Chi nhánh Sài Gòn – Phòng Giao dịch N(gọi tắt là Ngân hàng Kiên Long) số tiền là 300.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 210/19/HĐTD/1504-7432 ngày 07/11/2019. Mục đích vay là để thanh toán tiền mua ô tô theo hợp đồng mua bán số 0751/2019/HĐMB- CN An Lạc ngày 02/10/2019; thời hạn vay 84 tháng; lãi suất vay là: 12.8%/năm; kể từ ngày thứ 04 tính từ ngày giải ngân theo từng KUNN, LSV của các KUNN sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần và lãi suất điều chỉnh sẽ bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng loại lãi sau cộng biên độ 4.3%/năm, lãi suất sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất tối thiểu hiện hành của bên cho vay (cùng loại hình và phương thức vay). Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất lãi chậm trả là 10%/năm, tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Nguyễn N H và bà Nguyễn T T U đã thanh toán cho Ngân hàng K số tiền 176.481.975 đồng (trong đó gốc là 99.400.000 đồng, lãi là 77.081.975 đồng).

Đến ngày 08/3/2022, ông H và bà U ngưng không thanh toán, vi phạm Điều 3 Hợp đồng tín dụng. Ngày 08/3/2022 Ngân hàng K đã chuyển toàn bộ khoản nợ trên sang nợ quá hạn.

Do ông Nguyễn N H và bà Nguyễn T T U đã vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng Thương mại cổ phần K khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn N H và bà Nguyễn T T U phải thanh toán cho Ngân hàng K số tiền tính đến ngày 09/8/2024 là 284.225.529 đồng, trong đó: nợ gốc là 200.600.000 đồng; lãi trong hạn 51.188.295 đồng; lãi quá hạn 26.109.301 đồng, lãi suất lãi chậm trả 6.327.933 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/8/2024 cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Yêu cầu toàn bộ các khoản nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Để đảm bảo khoản vay, ông Nguyễn N H và bà Nguyễn T T U có ký Hợp đồng thế chấp số 210/19/HĐTC-MMTB/1504-7432 ngày 07/11/2019. Tài sản thế chấp là xe ô tô tải thùng kín, biển số 51D-526.xx, nhãn hiệu KIA, số khung 5KHBKC097300, số máy J003515D4CB. Tuy nhiên, trong vụ án này Ngân hàng K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí sơ thẩm: ông H và bà U phải chịu theo quy định.

Bị đơn ông Nguyễn N H và bà Nguyễn T T U: Sau khi thụ lý hồ sơ, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tổng đạt theo quy định của pháp luật nhưng ông H và bà U vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần K có đơn xin vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn N H và bà Nguyễn T T U vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: Thụ lý vụ án, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, Thông báo tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và các thủ tục tố tụng tại phiên tòa.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Chưa đảm bảo thời hạn theo qui định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cho thấy ông Nguyễn N H và bà Nguyễn T T U vay của ngân hàng số tiền 300.000.000 đồng. Theo bảng kê tính lãi thì quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà U đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Do đó, việc Ngân hàng Kyêu cầu buộc ông H và bà U thanh toán số tiền nợ gốc và lãi nêu trên, đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi ông H và bà U thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với tài sản thế chấp Ngân hàng K xác định không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn N H có địa chỉ cư trú cuối cùng tại quận Bình Tân, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng do hai bên ký nên đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn N H và bà Nguyễn T T U đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn không tham gia cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Tòa án căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3]. Về yêu cầu của đương sự:

[3.1]. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K yêu cầu ông Nguyễn N H và bà Nguyễn T T U trả số tiền vay và lãi đối với khoản vay theo Hợp đồng tín

dụng số 210/19/HĐTD/1504-7432 ngày 07/11/2019 tính đến ngày 09/8/2024 là 284.225.529 đồng, trong đó: nợ gốc là 200.600.000 đồng; lãi trong hạn 51.188.295 đồng; lãi quá hạn 26.109.301 đồng, lãi suất lãi chậm trả 6.327.933 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/8/2024 cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sau khi thụ lý Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp, công khai chứng cứ và triệu tập hợp lệ để ông H và bà U tham gia tố tụng nhưng ông H và bà U đều vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa; ông bà cũng không có văn bản gửi cho Tòa án trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, xem như ông H và bà U tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh và cung cấp chứng cứ của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu chứng cứ khác do Tòa án thu thập được để xem xét giải quyết vụ án.

Xét tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được thì ông Nguyễn N H và bà Nguyễn T T U có ký Hợp đồng tín dụng số 210/19/HĐTD/1504-7432 ngày 07/11/2019 để vay của Ngân hàng K số tiền 300.000.000 đồng; Mục đích vay là để thanh toán tiền mua ô tô; thời hạn vay 84 tháng, trả 84 kỳ vào ngày 08 hàng tháng; lãi suất vay là 12.8%/năm, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất lãi chậm trả là 10%/năm.

Thực hiện hợp đồng ngày 08/11/2019 Ngân hàng K giải ngân số tiền trên cho ông H và bà U theo khế ước nhận nợ số 201/19/KUNN. Quá trình thực hiện Hợp đồng, tính từ ngày giải ngân đến nay ông H và bà U chỉ trả cho ngân hàng số tiền 176.481.975 đồng (trong đó gốc là 99.400.000 đồng, lãi là 77.081.975 đồng). Ông H và bà U đã ngưng không thanh toán từ ngày 08/3/2022. Việc ông H và bà U không thanh toán đầy đủ và đúng hạn là vi phạm Điều 3 Hợp đồng nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ trên sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu ông H và bà U trả toàn bộ số tiền vay trước hạn là đúng thỏa thuận tại Điều 8 và tại Điều 9 Hợp đồng. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng K là có cơ sở chấp nhận.

[3.2]. Đối với tài sản thế chấp: Theo xác nhận của nguyên đơn Ngân hàng K thì để đảm bảo khoản vay, ông Nguyễn N H và bà Nguyễn T T U ký Hợp đồng thế chấp số 210/19/HĐTC-MMTB/1504-7432 ngày 07/11/2019. Tài sản thế chấp là xe ô tô tải thùng kín, biển số 51D-526.xx, nhãn hiệu KIA, số khung 5KHBKC097300, số máy J003515D4CB.

Theo Điều 10 Hợp đồng tín dụng thì bên cho vay được quyền xử lý tài sản bảo đảm nếu bên vay không trả nợ đầy đủ và đúng hạn. Ông H và bà U đã không trả nợ đầy đủ và đúng hạn. Như vậy, Ngân hàng K được quyền xử lý tài sản bảo đảm, tuy nhiên Ngân hàng K xác định không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tại phiên Tòa là có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn N H và bà Nguyễn T T U phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hoàn lại cho Ngân hàng Ktiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Khoản 1, Khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn N H và bà Nguyễn T T U phải liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 210/19/HĐTD/1504-7432 ngày 07/11/2019, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 09/8/2024 là 284.225.529 đ (Hai trăm tám mươi bốn triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi chín đồng), trong đó: nợ gốc là 200.600.000 đồng; lãi trong hạn 51.188.295 đồng; lãi quá hạn 26.109.301 đồng, lãi suất lãi chậm trả 6.327.933 đồng. Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 10/8/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn N H và bà Nguyễn T T U còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 210/19/HĐTD/1504-7432 ngày 07/11/2019.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Về án phí: ông Nguyễn N H và bà Nguyễn T T U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.211.276đ (Mười bốn triệu hai trăm mười một nghìn hai trăm bảy mươi sáu đồng). Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.207.983đ (Sáu triệu hai trăm lẻ bảy nghìn chín trăm tám mươi ba đồng) theo biên lai thu số 0026631 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Bình Tân;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Chi cục THA DS Q.Bình Tân;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Giang

Lê Thị Tý

Nguyễn Ngọc Hạnh